

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày 26 - 6 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Tuấn và bà Đỗ Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Duy Thường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1982; nơi thường trú: Thôn I Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Phiên tòa có mặt: Chị H; vắng mặt anh P không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2024; bản tự khai của nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H kết hôn với anh Phạm Văn P do hai bên tự nguyện tìm hiểu, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, chị H và anh P thuê nhà trọ ở quận H, thành phố Hà Nội để làm ăn sinh sống, cuộc sống hoà thuận được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H trình bày: Năm 2015, chị và anh P chuyển về thành phố P, tỉnh Hà Nam thuê nhà ở và mở cửa hàng bán trái cây thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong công việc, cũng như cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nhưng mâu thuẫn chủ yếu là do việc buôn bán trái cây không thuận lợi kinh tế khó khăn. Đến đầu năm 2016, vợ chồng bỏ việc buôn trái cây, anh P lại lên thành phố Hà Nội làm việc tự do, còn chị đưa các con về ở tại nhà bố mẹ chồng để tiện chăm sóc mẹ đẻ anh P lúc đó đang bị bệnh ung thư. Thời gian này chị và anh P cũng xảy ra mâu thuẫn, giữa chị với mẹ đẻ anh P cũng xảy ra va chạm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, anh P biết chuyện nhưng không hòa giải, động viên chị mà còn bênh vực mẹ đẻ, đổ lỗi cho vợ; ngoài ra chị còn phát hiện trong thời gian buôn trái cây ở thành phố P anh P có vay lãi suất cao (lãi ngày) về chi tiêu riêng. Vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, do chán nản nên tháng 6/2016 chị đã đưa 02 con nhỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Nam Định, được 01 ngày thì anh P đến đón các con về, còn vợ chồng vẫn sống ly thân. Đến tháng 9/2016 khi mẹ đẻ anh P ốm nặng, chị và anh P đã hòa giải, thống nhất để chị đón 02 con về nuôi. Thời gian này anh P đi làm ở Hà Nội nhưng thỉnh thoảng vẫn về chung sống với chị tại nhà bố mẹ đẻ chị tại Nam Định. Đến năm 2021 thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, do anh P đi làm có tiền nhưng chi tiêu hết, không quan tâm, trách nhiệm với vợ con. Anh P còn phản bội chị quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, khi chị phát hiện anh P đã thừa nhận và còn thách thức nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị H và anh P có 02 con chung là cháu Phạm Thị Phương A, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 17/3/2012. Cả 02 cháu đều do chị H nuôi dưỡng và đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ chị H tại huyện G, tỉnh Nam Định. Nếu vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho anh Phạm Văn P; tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do, nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên toà sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Phạm Văn P. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương A và cháu Phạm Trà M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Phan Thị H cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự; Thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nhưng anh Phạm Văn P vẫn vắng mặt phiên toà lần hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Phạm Văn P là tự nguyện và hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị H cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, kinh tế gia đình khó khăn, anh P không quan tâm trách nhiệm đến vợ con và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Toà án đã ghi ý kiến của ông Phạm Văn P1 (là bố đẻ anh P), tiến hành xác minh tại địa phương xã C, xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh P chủ yếu là do khó khăn về kinh tế, chị H nghi ngờ anh P có quan hệ ngoại tình; gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2021 đến nay chị H và con chung sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Nam Định còn anh P làm ăn tại thành phố Hà Nội, vợ chồng sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không hợp tác làm việc, không tham gia hoà giải, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị H là chính đáng, từ năm 2021 đến nay cháu Phương A và cháu Trà M đều do chị H nuôi dưỡng, cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định, hiện chị H đang làm nhân viên bán hàng tại Siêu thị L, huyện G, tỉnh Nam Định, thu nhập bình quân mỗi tháng là 10.000.000 đồng. Đối với anh P không có trách nhiệm gì và cũng không đến Toà án làm việc, không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung; cháu Phương A và cháu Trà M đều có nguyện vọng xin được ở với chị H. Sau khi xem xét

nguyện vọng của chị H, cháu Phương A và cháu Trà M cũng như điều kiện về mọi mặt của chị H, Hội đồng xét xử thấy nên giao cả 2 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị Phan Thị H không yêu cầu anh Phạm Văn P phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương A, sinh ngày 11/7/2009 và cháu Phạm Trà M, sinh ngày 17/3/2012 cho chị Phan Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phương A và cháu Trà M đủ 18 tuổi, tự lập.

Anh Phạm Văn P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Phan Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001845 ngày 19 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Chân Lý;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Quốc Huy